

**Khối di chuyển**  
**QSPKG18-5/16-U**  
Số bộ phận: 132651

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                           |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                        |
| Chiều rộng định mức                             | 5.5 mm                                                            |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                            |
| Thiết kế                                        | dạng thẳng                                                        |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi |
| Phân loại hàng hải                              | xem chứng nhận                                                    |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                              |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                          |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -5 °C...60 °C                                                     |
| trọng lượng sản phẩm                            | 5.4 g                                                             |
| Kiểu gắn                                        | Kim gắn                                                           |
| Cổng nối khí nén 1                              | Hộp 18mm                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                              | cho ống mềm bên ngoài Ø 5/16"                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh Fahrenheit       | 23 °F...140 °F                                                    |
| Màu vòng nhả                                    | xám                                                               |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                     |
| Vật liệu vỏ                                     | PA gia cố                                                         |
| Vật liệu vòng nhả                               | POM                                                               |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                               |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao                                         |